

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 07-8-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh

2. Bà Phan Thị Nhường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1998; Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và con bà Phan Thị P, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có hai anh, em ruột, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 25/3/2020, bị Công an huyện Krông Pắc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2020 – Có mặt.

* Bị hại: Anh La Cương Q; sinh năm 1984 và chị Tạ Thị P; sinh năm 1988

* Người đại diện theo ủy quyền cho chị Tạ Thị P: anh La Cương Q (Chồng chị P).

Cùng cư trú: Thôn 11, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk- Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: ông Trần Trung H

Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1./ Anh Đỗ Văn T1; sinh năm 1994- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2./ Bà Trần Thị H, sinh năm 1976- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đoàn K, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 25/12/2019, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T ngồi uống cà phê tại quán Vũ ở thôn 2, xã E, huyện K, T nói với T1: Để mình gọi anh Q ra mượn xe cày cầm cố lấy tiền tiêu xài. T1 nói: Làm vậy có được không? T trả lời: Được chứ sao không. Không thấy T1 nói gì nên T nói: Bạn không làm thì mình làm. Sau đó, T nhờ Nguyễn Thị T là chủ quán gọi điện cho Q đến quán uống cà phê. Khi Q đến, T hỏi: Anh cho em mượn xe cày về chở khoai cho bà già (mẹ T), vài bữa xong e xuống trả lại anh. T1 ngồi chơi điện thoại không nói gì, sau đó lấy lý do bận việc gia đình đi về trước. T và Quyết ngồi chơi khoảng 10 phút rồi Q chở T về nhà Q. Đến nơi, T hỏi chị Tạ Thị P (vợ Q): Chị cho em mượn xe cày về chở khoai ít ngày, chị P không cho T mượn. T nói với Q: Anh vào nói với chị một tiếng chứ chị không cho mượn. Q vào nói với chị P: Cho thằng em mượn xe cày về chở khoai ít ngày. Nói xong, Q đưa xe cày cho T mượn. T điều khiển xe máy cày đến nhà gặp T1 nói: Mình mượn được xe cày đây rồi, bạn đi với mình tí, T1 không đồng ý. T nói tiếp: Việc là do mình làm, không liên quan gì đến bạn đâu. T nói nhiều lần như vậy nên T1 đồng ý đi cùng T (T1 không biết mục đích T rủ T1 đi để nhờ cầm cố xe). Khi đến dịch vụ cầm đồ Sáng Hoa của bà Trần Thị H, ở thôn Đoàn k, xã E, huyện E, T nói T1 đứng ra cầm xe cày giúp vì trước đó T đã cầm xe của gia đình nên sợ không cầm được nữa. T1 không muốn cầm xe giúp T nên đưa chứng minh nhân dân là hình của T1 nhưng tên của người khác cho T xem (chứng minh nhân dân T1 nhạt được dán hình lên để đi nhà nghỉ, T1 đưa cho T xem, mục đích không giúp T cầm cố xe máy cày), T nói: Không sao đâu, họ có hỏi thì mình nói bạn mới ở quê vào mua rẫy gần nhà mình. Khi gặp H, T nói: Cô cầm giúp bạn cháu chiếc xe. H kiểm tra chứng minh nhân dân của T1, thấy chứng minh không rõ nên không đồng ý cầm xe mà trả lại

chứng minh nhân dân cho T1. Lúc này, T dùng thẻ ngân hàng Agribank của T cầm cố xe máy cày được 10.000.000 đồng rồi thuê 01 xe mô tô chở T1 về. Hai ngày sau, T gửi xe mô tô nhờ T1 trả cho bà H. Số tiền cầm cố xe máy cày, T một mình tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06 ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 xe máy cày, đầu máy nhãn hiệu RV Vikino, màu đỏ, dàn máy YC80, thùng màu đỏ, mua năm 2014 (đã qua sử dụng) không thu giữ được, có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Cáo trạng số: 28/CT-VKS-HS, ngày 14 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Krông Pắc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

Bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt cho anh La Cương Q và chị Tạ Thị P với số tiền là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Đối với Đỗ Văn T1, khi ngồi uống cà phê, T rủ T1 mượn xe cày của anh Q để cầm cố nhưng T1 không tiếp nhận ý chí của T và sợ liên quan nên lấy lý do bận việc gia đình để về trước, sau đó T một mình dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Q, chị P, nên T1 không đồng phạm với T tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi mượn được xe máy cày, T nhờ T1 đứng ra cầm cố. T1 không đồng ý nhưng chỗ bạn bè không muốn mất lòng T, nên T1 đã cố tình dùng chứng minh nhân dân của người khác dán hình T1 không có con dấu, mục đích không cầm cố được, như vậy hành vi của T1 giúp T tiêu thu xe chưa thực hiện được.

Sau đó T đã tự mình đứng ra cầm cố xe, T1 không tham gia và số tiền cầm cố xe, một mình T sử dụng, T1 không có động cơ vụ lợi nên hành vi của T1 không cấu T tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với chứng minh nhân dân giả, T1 sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với bà Trần Thị H, khi nhận cầm cố không biết xe máy cày là do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nên không xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T không tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt cao hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị, nhằm mục đích trừng trị, răn đe và giáo dục bị cáo trở T người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả và nhân thân bị cáo, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, xét thấy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, Do vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Bị hại tranh luận: Nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, không tranh luận bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên toà hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 25/12/2019, tại quán cà phê Vũ ở thôn 2, xã E, huyện K, Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe máy cày của anh La Cương Q và chị Tạ Thị P, trị giá 20.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh La Cương Q và chị Tạ Thị P. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Q và chị P, ngày 23/01/2020 bị cáo lại có hành vi: Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại 750.000 đồng, đã bị Công an huyện Krông Pắc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPHC ngày 25/3/2020. Do đó phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo bị cáo, để giáo dục riêng, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt theo yêu cầu của bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc xe cày bị cáo chiếm đoạt không thu giữ được với số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, xét thấy sự thoả thuận bồi thường trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên, HĐXX cần chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe máy cày mà bị cáo chiếm đoạt và chứng minh nhân dân giả do Đỗ Văn T sử dụng không thu giữ được, nên HĐXX không đề cập xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính $40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với Đỗ Văn T1, khi ngồi uống cà phê, T rủ T1 mượn xe cày của anh Q để cầm cố nhưng T1 không tiếp nhận ý chí của T và sợ liên quan nên lấy lý do bận việc gia đình để về trước, sau đó T một mình dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Q, chị P, nên T1 không đồng phạm với T tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi mượn được xe máy cày, T nhờ T1 đứng ra cầm cố. T1 không đồng ý nhưng chỗ bạn bè không muốn mất lòng T, nên T1 đã cố tình dùng chứng minh nhân dân của người khác dán hình T1 không có con dấu, mục đích không cầm cố được, như vậy hành vi của T1 giúp T tiêu thụ xe chưa thực hiện được. Sau đó T đã tự mình đứng ra cầm cố xe, T1 không tham gia và số tiền cầm cố xe, một mình T sử dụng, T1 không có động cơ vụ lợi nên hành vi của T1 không cấu T tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với bà Trần Thị H khi nhận cầm cố, bà H không biết xe máy cày là do T phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc không xử lý bà H về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Krông Pắc thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đề nghị mức hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. HĐXX xét thấy phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 18/3/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

Bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt cho anh La Cương Q và chị Tạ Thị P với số tiền là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Chu Anh Hùng